

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 797/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23.8.2019

V/v: “Thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Bà Cao Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXX-ST ngày 9 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lê Nguyễn N, sinh năm: 1985

Địa chỉ: 121 đường K, thành phố Q, Bình Định.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ 1, Khu vực 7, P. Trần Quang D, thành phố Q, Bình Định.

Tại phiên tòa anh N có mặt, chị O vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Nguyên N trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 449/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2018 của TAND thành phố Q thì chị Nguyễn Thị Kiều O được trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/6/2016 và cháu Lê Nguyễn Khánh A, sinh ngày 05/7/2013. Tuy nhiên, từ khi có quyết định của Tòa án đến nay, chị O không cho anh thăm con, đặc biệt là cháu A. Anh mua quà cho các cháu nhưng chị O không nhận còn ném vào nhà anh, chửi, nhục mạ gia đình anh. Khi nhớ con, anh đến trường thăm các cháu thì chị O phát hiện và đã chuyển trường cho các cháu. Hiện nay cháu T đang được gửi trẻ tại nhà trẻ H phường Đ nhưng chị O đề nghị nhà trường không cho anh và gia đình phía nội đến thăm cháu thì chị O mới gửi tại trường và nhà trường đã đồng ý theo yêu cầu của chị O nên anh không thể thăm cháu được. Tại bản khai ngày 18/3/2019 anh yêu cầu được nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T nhưng khi chị O đến Tòa làm việc đã đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Khánh A cho anh trực tiếp nuôi. Do vậy, anh yêu cầu được nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh A. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Tại các bản khai ngày 25 tháng 3 năm 2019 và ngày 12 tháng 4 năm 2019, bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Chị và anh Lê Nguyên N đã được Tòa án nhân dân thành phố Q công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định số 449/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2018. Về việc nuôi con: chị được trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T và Lê Nguyễn Khánh A. Sau khi ly hôn, chị vẫn cho anh N thăm con vài lần nhưng vì trong lòng còn nhiều bức xúc, giận anh N sống không có trách nhiệm với vợ con nên chị không cho anh N thăm các cháu. Nay anh N yêu cầu nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T chị không đồng ý. Tuy nhiên, tại bản khai ngày 12/4/2019 chị O đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Khánh A cho anh N nuôi còn chị nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T vì cháu T còn nhỏ cần có mẹ.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:* Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Lê Nguyên N về xin nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn Khánh A. Giao cháu Lê Nguyễn Khánh A cho anh N chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Nguyên N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” với chị Nguyễn Thị Kiều O trú tại địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 1, Khu vực 7, P. Trần Quang D, thành phố Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị O không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ đối với chị O nhưng chị O vẫn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kiều O

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Lê Nguyên N và chị Nguyễn Thị Kiều O đã được Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 449/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2018. Về phần con chung Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định: “*Về việc nuôi con: chị Nguyễn Thị Kiều O được trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/6/2016 và cháu Lê Nguyễn Khánh A, sinh ngày 05/7/2013. Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền*

yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản". Tuy nhiên, sau khi ly hôn anh N không được thăm nom, chăm sóc, đưa đón các con đi chơi theo như Quyết định của Tòa án. Do đó, anh N có đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu được nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T và trong quá trình làm việc, anh N thay đổi lời khai và yêu cầu được nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh A.

Sau khi Tòa thụ lý vụ án, chị O đến Tòa làm việc và không đồng ý anh N nuôi cháu Lê Nguyễn Khánh T. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại Tòa chị O đã thay đổi lời khai và đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Khánh A cho anh N nuôi (bút lục 29) nhưng trong các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị O không đến Tòa làm việc như vậy là chị đã tự làm mất đi các quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"* nhưng sau khi ly hôn chị O đã cản trở, không cho anh N thăm các con như vậy là chị đã tước đi quyền được thăm nom, chăm sóc các cháu của anh N đồng thời cũng tước đi quyền được hưởng sự yêu thương, chăm sóc của cha của các cháu.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay của chị O thì chị đang làm tại Công ty may T và làm thêm buôn bán củi. Như vậy, để đáp ứng được hai công việc trên chị O phải mất khá nhiều thời gian, trong khi đó chị phải chăm sóc cả hai cháu thì sẽ rất vất vả cho chị. Xét điều kiện, hoàn cảnh của anh N thấy: anh N là chủ cửa hàng làm nhôm sắt và kính, ngoài ra anh còn lái xe tải chở hàng trong thành phố, thời gian làm việc cũng chủ động, thu nhập ổn định bình quân từ 10 đến 12 triệu/tháng. Bản thân anh sau khi ly hôn, không được thăm nom, chăm sóc các con nên rất thương nhớ các cháu; đồng thời anh cũng nhận thức được sự vất vả nuôi hai con của chị O nên muốn san sẻ gánh nặng và trách nhiệm này với chị O. Do đó, để đảm bảo cho các con phát triển về mọi mặt nên giao cho anh N và chị O mỗi người nuôi một cháu, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào sẽ ổn định hơn về tư tưởng, chủ động hơn về trách nhiệm của anh chị đối với các con và cũng phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của anh N và chị O. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Nguyễn N, giao cháu Lê Nguyễn Khánh A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.2] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Nguyên N về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2. Giao cháu Lê Nguyễn Khánh A, sinh ngày 05/7/2013 cho anh Lê Nguyên N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn lại cho anh Lê Nguyên N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001093 ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

